TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HÒA** TỈNH LONG AN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2023/HNGĐ-ST
Ngày 17 - 01 - 2023
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mộng Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Chí Lin

2. Bà Trần Thị Đổi

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Kim Thoa – Thư ký Toà án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 17 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 971/2022/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2022 về *"Ly hôn*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 417/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2022, giữa:

1. *Nguyên đơn*: Ông Võ Thanh T, sinh năm 1983. Địa chỉ HKTT: Ấp M, xã L, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt).

2. Bị đơn: Bà Phan Thị Th, sinh năm 1980. Địa chỉ: Ấp Th, xã L, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12 tháng 10 năm 2022 và những lời trình bày tiếp theo tại Tòa án do nguyên đơn ông Võ Thanh T trình bày như sau:

Về tình trạng hôn nhân: ông và bà Phan Thị Th trước khi kết hôn có tìm hiểu nhau thời gian khoảng 03 tháng và tiến đến hôn nhân vào ngày 13 tháng 3 năm 2008. Cả hai người có đến Ủy ban nhân dân xã L, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An đăng ký kết hôn theo quy định. Quá trình chung sống hạnh phúc thời gian đầu về sau thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do không hợp nhau. Ông và bà Th đã ly thân từ tháng 7/2019 đến nay cả hai không có Thện chí hàn gắn. Nay ông kiên quyết xin được ly hôn với bà Th.

Về con chung: hai người có 02 con tên Võ Thị Thúy K, sinh ngày 20/40/2009 và Võ Đình Khôi sinh ngày 07/10/2010. Hai con do bà Th đang nuôi,

khi ly hôn tùy theo nguyện vọng của các con con sống với ai người đó nuôi, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng.

Tài sản chung: không có.

Nợ chung: không có.

Ngoài ra ông không còn yêu cầu gì khác. Đồng thời ông xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn bà Phan Thị Th: Đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không phản hồi ý kiến gì về việc giải quyết vụ án cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật cần giải quyết: xét yêu cầu khởi kiện của ông Võ Thanh T nêu trên, Hội đồng xét xử thấy quan hệ pháp luật cần giải quyết trong vụ án là: "*Ly hôn*" là những tranh chấp theo quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án. Bị đơn bà Phan Thị Th có địa chỉ tạm trú tại ấp Lộc Thạnh, xã L, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[1.2] Về tư cách tố tụng, phạm vi giải quyết.

Ông Võ Thanh T khởi kiện được xác định là nguyên đơn, bà Phan Thị Th được xác định là bị đơn. Tòa án chỉ xét xử trong phạm vi đơn khởi kiện của nguyên đơn.

[1.3]. Xét xử vắng mặt: ông T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 tiến hành xét xử vắng mặt ông. Bà Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 Bộ luật dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà Th.

[1.4] Chứng cứ, nghĩa vụ chứng minh và luật áp dụng.

Quá trình tố tụng: ông T xác định có đăng ký kết hôn với bà Th và có con chung. Chứng cứ là giấy chứng nhận kết hôn và giấy khai sinh con.

Pháp luật được áp dụng: Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về tình trạng hôn nhân: Xét hôn nhân giữa ông Võ Thanh T và bà Phan Thị Th nêu trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn nên phù hợp Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình 2014. Cuộc sống chung vợ chồng không hợp nhau do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, hai người phát sinh mâu thuẫn và ly thân từ tháng 07/2019 đến nay cả hai không có Thện chí hàn gắn. Do đó Hội đồng xét xử xét

thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa ông T và bà Th đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần cho ông T được ly hôn với bà Th.

[2.2] Đối với con chung: ông T và bà Th có 02 con tên Võ Thị Thúy K, sinh ngày 20/40/2009 và Võ Đình Khôi sinh ngày 07/10/2010. Khi ly hôn, ông T đồng ý để con cho bà Th nuôi, ông không cấp dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy từ khi ông T và bà Th ly thân con do bà Th nuôi phát triển bình thường, ông T không tranh chấp quyền nuôi con nên Hội đồng xét xử để con cho bà Th nuôi, ông T không cấp dưỡng.

[2.3] Về tài sản và nợ chung: ông T và bà Th khai không có không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập xem xét.

[3] Về án phí, theo Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án, ông T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung vào Ngân sách Nhà nước.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.*Về hôn nhân*: Ông Võ Thanh T được ly hôn bà Phan Thị Th .

2.*Về con chung*: Bà Phan Thị Th được tiếp tục nuôi con chung 02 con tên Võ Thị Thúy K, sinh ngày 20/40/2009 và Võ Đình Khôi sinh ngày 07/10/2010. Ông T không phải cấp dưỡng nuôi con vì bà Th không yêu cầu. Vì quyền lợi của trẻ, ông T được quyền đến thăm nom chăm sóc giáo dục con chung không ai có quyền ngăn cản. Khi cần Thết các đương sự có quyền xin thay đổi tình trạng nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. *Về tài sản:* không có

4. *Về nợ chung:* không có

5. *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Ông T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung vào Ngân sách nhà nước. Số tiền này được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng do ông T nộp theo biên lai số 0000314 ngày 14/10/2022 tại Chi cục Th hành án dân sự huyện Đức Hòa. Như vậy ông T đã nộp xong.

6. Án xét xử công khai sơ thẩm, các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm vụ án.

7. Trường hợp bản án, quyết định được Th hành theo quy định tại Điều 2 Luật Th hành án dân sự thì người được Th hành án dân sự, người phải Th hành án dân sự có quyền thỏa thuận Th hành án, quyền yêu cầu Th hành án, tự nguyện Th hành án hoặc bị cưỡng chế Th hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Th hành án dân sự, thời hiệu Th hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Th hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
-Các đương sự;
-TAND Tỉnh Long An;
-VKSND huyện Đức Hòa;
-UBND xã L;
-Chi cục THA huyện Đức Hòa;
-Lưu.

Nguyễn Thị Mộng Thúy